

Chủ tịch Fed - Alan Greenspan

Chaque fois que la manne se forme. Hoang loang khi bão sắp đến. Chia sẻ về cách khắc phục hậu quả của bão. Đó là kết quả của ba thập kỷ làm việc của kinh tế học.

I - NHỮNG LỜI GIẢI THÍCH VÀ CÁI ĐÓP

Hiển nhiên khó mà tin được mà cách đây không lâu giới kinh tế học còn đang chúc tụng nhau về thành công của môn khoa học này. Nhưng thành công trên cơ sở lý thuyết làm thực tiễn đó đã mở ra một giai đoạn vàng của những nghiên cứu trong giới. Về mặt lý thuyết, học nghĩ đã giới thiệu quy tắc những tranh cãi nổi bật.

Do đó, trong một bài báo năm 2008 với tựa đề “Tình trạng vĩ mô” (tức là kinh tế vĩ mô, chuyên nghiên cứu các vấn đề lớn như suy thoái), Olivier Blanchard tại Học viện Công nghệ Massachusetts, nay là kinh tế trưởng tại Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, tuyên bố rằng “tình trạng vĩ mô vẫn ổn.” Cuộc chiến khi xưa đã kết thúc và đã có một “sự đồng thuận” về cách nhìn.” Trong thực tiễn, các nhà kinh tế tin rằng mình đã kiểm soát được mọi thứ: “vấn đề cốt lõi là ngăn ngừa suy thoái đã được giới thiệu,” Robert Lucas tại ĐH Chicago tuyên bố năm 2003 trong bài diễn văn nhậm chức Chủ tịch Hiệp hội Kinh tế Mỹ.

Năm 2004, Ben Bernanke, cựu GS ĐH Princeton nay là Chủ tịch Hội đồng Thống đốc Cục dự trữ liên bang, tán đồng rằng “Thị trường đã ổn định” về kinh tế trong hai thập niên vừa qua, mà ông cho rằng một phần là nhờ đóng góp của việc hoạch định chính sách kinh tế tốt hơn.

Năm ngoái, tất cả sụp đổ.

Rất ít nhà kinh tế học được các hãng hàng không hiện nay đang thuê, những dự đoán sai lầm mà chỉ là vấn đề ít nghiêm trọng nhất của môn khoa học này. Quan trọng hơn là việc kinh tế học không nhận ra được khả năng của kinh tế học trước những sự sụp đổ và những thất bại khi xảy ra.

Thị trường vàng son, các nhà kinh tế học tài chính đi đến chỗ tin tưởng rằng thị trường vẫn đã ổn định – thực tế, các phiêu lưu và các cách làm tài sản khác luôn được định giá đúng. Các mô hình

kinh tế đang thình lình hành không hề nhấc tay khi năng suất có mặt và sắp đặt như năm ngoái. Trong khi đó, các nhà kinh tế vĩ mô bắt chia rẽ bởi nhu cầu quan điểm. Những quan điểm chính là giữa những người không đồng ý với kinh tế thị trường do không bao giờ đi chỗ khác và những người tin rằng nền kinh tế có thể tìm thấy chỗ khác nếu họ có thể và sự điều chỉnh FED, với ít nhất có quyết định năng lực của mình, điều chỉnh lại.

Cả hai bên đều không điều chỉnh chu kỳ bắt đầu dự báo và triển vọng nền kinh tế và triển vọng bán dù FED đã nắm lấy cơ hội tốt.

Thậm chí họ không ngừng, sự chia rẽ này lại càng sâu sắc hơn bao giờ hết. Lucas nói khi họ kích thích kinh tế của chính quyền Obama là “thực tế kinh tế học rác rưởi,” còn người đồng nghiệp cũng tại Chicago John Cochrane nói chúng dựa trên “những câu chuyện cổ tích” chẳng có chút uy tín. Đáp lại, Brad DeLong tại ĐH California, Berkeley, viết đó là một sự “sắp đặt và một tri thức” của triển vọng phái Chicago, và chính người viết bài này đã từng viết rằng những lời bình luận của các nhà kinh tế triển vọng phái Chicago là sự phân biệt tại Trung Quốc của môn kinh tế vĩ mô, khi mà những kiến thức gian khó làm mất đi giành được bằng lãng quên.

Điều gì đã xảy ra với việc giải thích kinh tế học? Và họ đang đi sắp đặt của họ như thế nào?

Giải thích kinh tế học lại vì họ, với hàng tá phương trình toán học phức tạp trong tay, đã nắm lấy giải pháp cái đẹp và sự thanh thản. Cho dù những cuộc đàm phán suy thoái, phần lớn các nhà kinh tế đều có quan điểm rằng chính nghĩa thực tiễn là một hệ thống hoàn thiện hơn hoặc đã gần hoàn thiện. Quan điểm đó không tồn tại được lâu trước thực tế thị trường nghi ngờ tràn lan, những khi những ký ức về cuộc suy thoái phai nhạt dần, các nhà kinh tế lại trở về với quan điểm lý tưởng hóa xưa cũ với một nền kinh tế nơi những cá nhân hợp lý tương tác lẫn nhau trong một thị trường hoàn hảo, lần này còn được bổ sung thêm lập luận toán học phức tạp. Chances cho sự lãng mạn với một thị trường lý tưởng ngày một phần là vì luồng gió chính trị đã thay đổi, một phần vì đồng nghĩa tài chính.

Những cho dù việc làm tại Viện Hoover hay Phố Wall đều là những thế giá trị, nguyên nhân chính của những thất bại của môn khoa học kinh tế là khát khao có một cách tiếp cận bao quát mọi vấn đề và toàn bộ mọi mặt của thế giới đem lại cơ hội cho các nhà kinh tế thể hiện khả năng toán học của mình.

Đáng buồn là quan điểm lãng mạn và niềm tin lý tưởng hóa về nền kinh tế này khi đã phân chia các nhà

kinh tế là đi mà ít thì có thể khi nào mình sai lầm. Họ nhóm mặt làm ngụy trang của những hành vi khi nào mặt con người và hiểu quả có thể bị mẫn cảm cũng như chính thức bong bóng tài sản; những hành vi của những người đi các thị trường của hoạt động mặt cách mù quáng; những hành vi của những người không hoàn hảo của thị trường, đặc biệt là thị trường tài chính, có thể khi nào “hỗ trợ hoàn” của nền kinh tế phải trải qua những đợt suy giảm đột ngột không thể đoán trước được; và những hành vi nguy cơ nảy sinh khi chính các cơ quan điều tra không còn tin vào sự giám sát nữa.

Khó mà nói những được của con đường phía trước của môn kinh tế học. Điều chắc chắn duy nhất là các nhà kinh tế sẽ phải học cách sống chung với sự hỗn loạn. Tất cả là học sẽ phải nhận thức được tầm quan trọng của những hành vi bất hợp lý và những gì là không đoán trước được, điều diễn ra với sự không hoàn hảo mang tính của hành vi của thị trường và chấp nhận rằng còn lâu mới có một môn lý thuyết kinh tế học có thể bao quát được mọi vấn đề. Trong thực tiễn, điều đó có nghĩa là họ nên đưa ra những lập luận chính sách của những hành vi và kiên quyết dè dặt những tầm nhìn kinh tế an toàn với niềm tin rằng thị trường sẽ giữ quy tắc được mọi vấn đề.

II. TỪ SMITH TỚI KEYNES VÀ NGUYỄN C LỜI

Sẽ ra điều của kinh tế học với tư cách một môn khoa học thì những được của nó cho là nhờ công của Adam Smith với việc xuất bản cuốn “Sự giàu có của các quốc gia” năm 1776. Trong suốt 160 năm sau đó lý thuyết kinh tế đã phát triển mạnh mẽ, những thông điệp trung tâm vẫn là: Tin tưởng thị trường.

Đúng, các nhà kinh tế thừa nhận có những trường hợp hợp thị trường có thể thất bại, trong đó quan trọng nhất là trường hợp của các “những hành vi ngoại lệ”, những chi phí con người gây ra cho những khác mà không phải từ thiện, ví dụ như tắc nghẽn giao thông hay ô nhiễm. Tuy nhiên giới chức của các nhà kinh tế “tâm can đảm” (đặt theo tên những nhà lý thuyết cuối thế kỷ 19 đã phát triển thêm khái niệm của các nhà tiên bố “can đảm”) là chúng ta nên đặt niềm tin vào những thị trường.

Tuy vậy, cuộc Đại suy thoái làm niềm tin đó tiêu tan. Thế rồi, ngay cả khi mặt trời đang sắp đi xuống thì nhà kinh tế vẫn khẳng định rằng dù chuyển gì có xảy ra thì nền kinh tế thị trường vẫn đúng: “Điều suy thoái không chuyển toàn điều xấu,” Joseph Schumpeter tuyên bố năm 1934. Chúng là “những gì của nền phải diễn ra.” Những hiểu của nhà kinh tế, cuối cùng là toàn bộ giới kinh tế học tìm đến những quan điểm của John Maynard Keynes để giữ thích điều gì đã xảy ra và tìm giữ pháp cho những cuộc suy thoái trong tương lai.

Dù bạn đã đọc hoặc nghe những gì, Keynes không hề muốn chính phủ nên hành động kinh tế. Ông miêu tả phân tích của mình trong bài viết năm 1936, “Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ,” là “tổng hợp của những vấn đề hàm ý.” Ông muốn chính phủ nên không phải thay thế chính nghĩa của bạn.

Những ông đã thách thức quan niệm rằng những người kinh tế thị trường tự do có thể hoạt động không cần sự giám sát, thậm chí nếu coi những người được biết đến với thị trường tài chính, thì ông xem là đang bỏ qua những thói quen của người khác mà chúng quan tâm gì đến các yếu tố của bạn. Ông kêu gọi chính phủ nên chỉ định can thiệp, in thêm tiền và nêu lên những thị trường, chi tiêu mạnh tay cho các công trình công cộng để chúng thoát khỏi suy thoái xảy ra.

Cũng cần hiểu rằng Keynes đã làm nhiều hơn so với những người khác khi ông đã kiên quyết. “Lý thuyết chung” là một tác phẩm phân tích rất sâu sắc, có sự thuyết phục trước những nhà kinh tế tự do tài năng nhất thế giới. Dù vậy, câu chuyện của kinh tế học trong suốt nửa thế kỷ qua là câu chuyện về sự thoái trào của tư tưởng Keynes và trở về với chính nghĩa của bạn.

Sự phản ứng của trào lưu tân cổ điển ban đầu do sự lãnh đạo của Milton Friedman tại Đại học Chicago, ngay từ năm 1953 đã khiến những người kinh tế học tân cổ điển có thể đưa ra con đường để hoạt động của nền kinh tế thị trường sẽ “vừa đem lại nhiều trái ngược, vừa rất đáng tin cậy.” Thế còn những cuộc suy thoái thì sao?

Cuộc phản công của Friedman chống lại Keynes bắt đầu với một học thuyết có tên là chính nghĩa trường tiền. Những nhà trường tiền, với các bạn, không đồng ý với quan điểm rằng nền kinh tế thị trường tự do cần được chỉ định bình đẳng. Các nhà trường tiền không đồng ý rằng chính phủ cần can thiệp một cách hạn chế, cần thì là, để ngân hàng trung ương giữ cung tiền quốc gia tăng đều đặn (tiền tiền mặt trong lưu thông và tài khoản tiền gửi tại ngân hàng). Nhưng vậy là đủ để ngăn ngừa suy thoái.

Friedman cùng người đồng nghiệp Anna Schwartz từng có một tuyên bố nổi tiếng rằng nếu Cục dự trữ liên bang hành động hợp lý, cuộc Đại suy thoái đã không xảy ra. Sau đó, Friedman đưa ra lập luận thuyết phục hơn để mọi người khác có thể thấy được mục đích nào của chính phủ nhằm duy trì ổn định thị trường xu hướng dài hạn của “tự nhiên” (hiện nay được cho là vào khoảng 4,8% tại Mỹ): ông đã đoán rằng chính sách nổi loạn tiền tệ quá đáng sẽ dẫn đến lạm phát và thất nghiệp cao, một dự đoán đã được xác thực bởi thị trường đỉnh lạm phát những năm 1970.

Uy tín của phong trào chống Keynes lại càng dâng cao mạnh mẽ.

Tuy vậy, cuối cùng phong trào chống Keynes cùng những người khác Friedman lại đi xa hơn nhiều so với quan điểm thông thường ôn hòa của ông. Trong giới kinh tế học tài chính, quan điểm coi trọng thị trường tài chính, xem nó như “sòng bạc” của Keynes đã được thay thế bằng lý thuyết “thị trường hi vọng” cho rằng với tất cả những thông tin sẵn có, thị trường tài chính luôn đúng giá đúng.

Trong khi đó, nhiều nhà kinh tế vĩ mô hoàn toàn phản ánh cách giới thích của Keynes và suy thoái kinh tế. Một số còn trở lại với quan điểm của Schumpeter và những người bị nhàn cho cuộc đời suy thoái, xem suy thoái là điều tốt, là một phần trong quá trình điều chỉnh thay đổi của nền kinh tế. Và kể cả những người không có đoạn đời như cũng lập luận rằng mọi người đều có suy giảm kinh tế đều có hai hướng là có lợi.

Không phải nhà kinh tế vĩ mô nào cũng đi theo con đường đó: nhiều người tự gọi mình là những người “Keynes-mới”, họ tiếp tục tin vào vai trò chủ đạo của chính phủ. Dù vậy ngay cả họ cũng đồng ý với quan điểm rằng nhà đầu tư và người tiêu dùng hợp lý còn thị trường nói chung là luôn đúng.

Đúng như nhiên, cũng có một số người không đi theo xu hướng chung: một số ít nhà kinh tế thách thức giới như hành vi hợp lý, nghi ngờ niềm tin vào thị trường tài chính và chĩa ra hàng loạt những cuộc khủng hoảng tài chính trong lịch sử đã để lại những hậu quả kinh tế thảm khốc. Những hậu quả đang bị người dòng, không thể phá nổi tính tự mãn ngu ngốc đang lan tỏa trong toàn giới kinh tế khi này.

(còn tiếp phần 2)

